

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 4 – Đợt 2

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 23 – 24/4/2025

Ngày cung cấp TT: 25/4/2025

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Cổng Như Trác	Cổng mở.
2	2	Cổng Hữu Bị	Cổng đóng.
3	3	Cổng Cốc Thành	Cổng đóng.
4	4	Cổng sông Chanh	Cổng mở.
5	5	Cổng Nhâm Tràng	Cổng mở.
6	6	Cổng Kinh Thanh	Cổng đóng.
7	7	Cổng Cồ Đàm	Cổng đóng.
8	8	Cổng Vĩnh Trị	Cổng đóng.
9	13	Đầu kênh CG16	Cổng mở.
10	10	Đập Vùa (CG12)	Cổng đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Nam Định.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Cống Như Trác, Cống Hữu Bị, Cống Cốc Thành, Cống Sông Chanh, Cống Nhâm Tráng, Cống Kinh Thanh, Cống Cồ Đàm, Cống Vĩnh Trị, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đầu kênh S17, Bể hút trạm bơm Quỹ Độ, Đầu kênh T5.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Các vị trí đạt giới hạn trên,** Đầu kênh T3, Đầu kênh C9, Đập An Bài (sông Châu Giang), Cống 3-2, Cầu Chu (sông Châu Giang), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy).

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên,** Đầu kênh CG 16, Đập Vùa (CG12).

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên.**

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
1	Cổng Như Trác	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời oi nóng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 79%, gió Nam 6 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm đang bơm nước lên kênh tưới. Nước màu vàng đục.	7.17	26	7.74	0.1	0.047	0.716	226	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
2	Cổng Hữu Bị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời oi nóng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 84%, gió Nam 8 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm đang bơm nước lên kênh tưới. Mực nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.	6.84	15	7.1	0.1	0.031	0.243	212	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
3	Cổng	Kiểm tra chất	Trời oi nóng, nhiệt độ	6.93	23	6.8	0.3	0.047	0.531	413	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Cốc Thành	lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	33°C, độ ẩm 70%, gió Nam 10 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước ngoài sông thấp hơn nội đồng, trạm bơm đang bơm nước lên kênh tưới. Nước màu vàng đục.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
4	Cống Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời oi nóng, nhiệt độ 34°C, độ ẩm 67%, gió Nam 11 km/h. Dòng chảy chậm từ ngoài sông vào nội đồng, cống mở. Nước màu vàng lục.	6.6	17	7.02	0.1	0.031	0.284	215	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
5	Cống Nhâm Tràng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện	Trời oi nóng, nhiệt độ 34°C, độ ẩm 67%, gió ĐN 11 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm đang	7.65	47	7.3	0.3	0.054	1.643	686	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	bơm nước lên kênh tưới. Nước màu vàng lục.								
6	Cổng Kinh Thanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời oi nóng, nhiệt độ 33°C, độ ẩm 70%, gió ĐN 12 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.01	16	7.32	0.3	0.023	1.710	621	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
7	Cổng Cổ Đam	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên	Trời oi nóng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 72%, gió ĐN 13 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm đang lấy nước lên kênh	6.53	28	6.47	0.2	0.023	1.440	385	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5			≥ 6					
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5			≥ 5					
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5			≥ 4					
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5			≥ 2					
			tươi. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.								
8	Cổng Vĩnh Trị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời oi nóng, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 62%, gió ĐN 11 km/h. Không có dòng chảy. Cổng đóng. Mực nước ngoài sông thấp hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	6.79	21	6.82	0.1	0.078	1.508	220	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
9	Đầu kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định.	Trời oi nóng, nhiệt độ 33°C, độ ẩm 70%, gió Nam 10 km/h. Dòng chảy chậm ra ngã ba sông Chanh. Nước màu vàng lục.	6.43	22	5.59	0.3	0.124	0.761	452	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết	Trời oi nóng, nhiệt độ 33°C, độ ẩm 70%, gió Nam 10 km/h.	6.86	35	5.36	0.6	0.031	2.183	962	Chỉ tiêu quan trắc hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni _N (mg/l)	Nitrat _N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Dòng chảy chậm từ ngã ba Sông Chanh. Nước màu vàng lục.								trường DO không đạt mức B
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên.	Trời oi nóng, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 63%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm từ hướng Vĩnh Trị về. Nước màu vàng lục.	6.98	26	6.8	0.2	0.117	1.420	386	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình	Trời oi nóng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 76%, gió Nam 5 km/h. Dòng chảy chậm từ sông Sắt ra sông Châu Giang. Nước màu vàng	6.54	35	5.96	0.1	0.039	1.058	301	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Lục.	lục.								
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời oi nóng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 84%, gió Nam 8 km/h. Không có dòng chảy, cống mở. Nước màu vàng đục.	6.29	32	4.54	0.4	0.287	3.083	933	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
14	Cống 3-2	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời oi nóng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 84%, gió Nam 8 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu vàng lục.	6.67	43	5.93	0.2	0.047	1.643	255	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
15	Đầu kênh S17	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp huyện Ý Yên.	Trời oi nóng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 75%, gió ĐN 13 km/h. Dòng chảy chậm hướng ra sông Sắt. Cống mở. Nước màu vàng lục.	7.03	33	6.17	0.1	0.008	2.723	310	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
16	Đập Vũa	Kiểm tra chất lượng nước hệ	Trời oi nóng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 79%, gió	7.11	40	4.16	0.3	0.163	2.183	527	Chỉ tiêu quan

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	(CG12)	thông tưới cho Huyện Lý Nhân.	Nam 6 km/h. Không có dòng chảy. Cổng đóng. Mực nước thượng lưu cao hơn hạ lưu. Nước màu vàng đục.								trắc hiện trường DO không đạt mức B
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời oi nóng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 77%, gió Nam 7 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Hữu Bị. Nước màu vàng lục.	6.57	27	5.27	0.2	0.124	1.260	250	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời oi nóng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 75%, gió ĐN 15 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Cổ Đam. Nước màu vàng lục.	7.48	30	5.02	0.3	0.179	2.295	706	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
19	Bê hút trạm	Kiểm tra chất lượng nước tại	Trời oi nóng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 71%, gió	6.8	20	6.34	0.3	0.031	2.205	497	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	bơm Quỹ Độ	trạm bơm Quỹ Độ.	ĐN 15 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Trạm bơm đã chiến đang bơm nước lên kênh tưới. Nước màu vàng lục.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
20	Đầu kênh T5	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời oi nóng, nhiệt độ 33°C, độ ẩm 70%, gió Nam 10 km/h. Không có dòng chảy. Nước màu vàng lục.	6.45	15.8	6.2	0.2	0.023	1.395	350	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn